**Trắc nghiệm**

**Câu 1:** Cho đoạn code sau:

|  |
| --- |
| int a = 10;  if (a > 5)  printf("Hello"); |

Kết quả của đoạn code này là gì?

A. In ra "Hello"  
B. Không in gì  
C. Lỗi biên dịch  
D. In ra "5"

**Đáp án:** A

**Câu 2:** Cho đoạn code sau:

|  |
| --- |
| int a = 3;  if (a > 5)  printf("Greater");  else  printf("Smaller"); |

Kết quả của đoạn code này là gì?

A. In ra "Greater"  
B. In ra "Smaller"  
C. Lỗi biên dịch  
D. Không in gì

**Đáp án:** B

**Câu 3:** Cho đoạn code sau:

|  |
| --- |
| int a = 5;  if (a == 5)  printf("Equal"); |

Kết quả của đoạn code này là gì?

A. In ra "Equal"  
B. Không in gì  
C. Lỗi biên dịch  
D. In ra "5"

**Đáp án:** A

**Câu 4:** Cho đoạn code sau:

|  |
| --- |
| int a = 10, b = 20;  if (a > b)  printf("A is greater");  else  printf("B is greater"); |

Kết quả của đoạn code này là gì?

A. In ra "A is greater"  
B. In ra "B is greater"  
C. Lỗi biên dịch  
D. Không in gì

**Đáp án:** B

**Câu 5:** Cho đoạn code sau:

|  |
| --- |
| int x = 7;  if (x % 2 == 0)  printf("Even");  else  printf("Odd"); |

Kết quả của đoạn code này là gì?

A. In ra "Even"  
B. In ra "Odd"  
C. Lỗi biên dịch  
D. Không in gì

**Đáp án:** B

**Câu 6:** Câu nào trong số các câu sau là đúng về lệnh if trong C?

A. Câu lệnh if phải luôn đi kèm với else  
B. Câu lệnh if không cần else  
C. Lệnh if chỉ có thể kiểm tra một điều kiện  
D. Không thể lồng câu lệnh if

**Đáp án:** B

**Câu 7:** Cho đoạn code sau:

|  |
| --- |
| int x = 10;  if (x >= 10)  printf("A");  else  printf("B"); |

Kết quả của đoạn code này là gì?

A. In ra "A"  
B. In ra "B"  
C. Lỗi biên dịch  
D. Không in gì

**Đáp án:** A

**Câu 8:** Cho đoạn code sau:

|  |
| --- |
| int x = 5;  if (x = 10)  printf("X is 10");  else  printf("X is not 10"); |

Kết quả của đoạn code này là gì?

A. In ra "X is 10"  
B. In ra "X is not 10"  
C. Lỗi biên dịch  
D. Lỗi logic

**Đáp án:** A

**Câu 9:** Cho đoạn code sau:

|  |
| --- |
| int a = 8;  if (a > 5)  printf("A");  printf("B"); |

Kết quả của đoạn code này là gì?

A. In ra "A"  
B. In ra "AB"  
C. Lỗi biên dịch  
D. In ra "B"

**Đáp án:** B

**Câu 10:** Cho đoạn code sau:

|  |
| --- |
| int x = 6;  if (x > 5 && x < 10)  printf("Yes"); |

Kết quả của đoạn code này là gì?

A. In ra "Yes"  
B. Không in gì  
C. Lỗi biên dịch  
D. In ra "6"

**Đáp án:** A

**Câu 11:** Cho đoạn code sau:

|  |
| --- |
| int a = 0;  if (a)  printf("True");  else  printf("False"); |

Kết quả của đoạn code này là gì?

A. In ra "True"  
B. In ra "False"  
C. Lỗi biên dịch  
D. Không in gì

**Đáp án:** B

**Câu 12:** Câu nào đúng về lệnh else if trong C?

A. Lệnh else if phải luôn đi kèm với else  
B. Có thể có nhiều hơn một lệnh else if  
C. Lệnh else if không thể sử dụng mà không có if  
D. Lệnh else if phải được đặt trước if

**Đáp án:** B

**Câu 13:** Cho đoạn code sau:

|  |
| --- |
| int a = 9;  if (a > 5)  if (a < 10)  printf("A");  else  printf("B"); |

Kết quả của đoạn code này là gì?

A. In ra "A"  
B. In ra "B"  
C. Không in gì  
D. Lỗi biên dịch

**Đáp án:** A

**Câu 14:** Cho đoạn code sau:

|  |
| --- |
| int a = 5;  if (a > 5)  printf("Greater");  else if (a == 5)  printf("Equal");  else  printf("Smaller"); |

Kết quả của đoạn code này là gì?

A. In ra "Greater"  
B. In ra "Equal"  
C. In ra "Smaller"  
D. Không in gì

**Đáp án:** B

**Câu 15:** Cho đoạn code sau:

|  |
| --- |
| int a = 6;  if (a > 5)  printf("A");  else if (a > 3)  printf("B"); |

Kết quả của đoạn code này là gì?

A. In ra "A"  
B. In ra "B"  
C. Lỗi biên dịch  
D. Không in gì

**Đáp án:** A

**Câu 16:** Cho đoạn code sau:

|  |
| --- |
| int a = 4, b = 8;  if (a > b)  printf("A");  else  if (b > 6)  printf("B"); |

Kết quả của đoạn code này là gì?

A. In ra "A"  
B. In ra "B"  
C. Lỗi biên dịch  
D. Không in gì

**Đáp án:** B

**Câu 17:** Cho đoạn code sau:

|  |
| --- |
| int a = 5;  if (a > 3)  if (a > 6)  printf("C");  else  printf("B");  else  printf("A"); |

Kết quả của đoạn code này là gì?

A. In ra "A"  
B. In ra "B"  
C. In ra "C"  
D. Không in gì

**Đáp án:** B

**Câu 18:** Câu nào đúng về câu lệnh else trong C?

A. Lệnh else bắt buộc phải có sau mỗi lệnh if  
B. Có thể có nhiều hơn một lệnh else  
C. Lệnh else không thể đứng một mình  
D. Lệnh else phải được đặt trước if

**Đáp án:** C

**Câu 19:** Cho đoạn code sau:

|  |
| --- |
| int a = 7;  if (a > 3)  printf("A");  if (a > 6)  printf("B"); |

Kết quả của đoạn code này là gì?

A. In ra "A"  
B. In ra "B"  
C. In ra "AB"  
D. Không in gì

**Đáp án:** C

**Câu 20:** Cho đoạn code sau:

|  |
| --- |
| int a = 4, b = 9;  if (a > 5)  if (b > 8)  printf("C");  else  printf("B");  else  printf("A"); |

Kết quả của đoạn code này là gì?

A. In ra "A"  
B. In ra "B"  
C. In ra "C"  
D. Không in gì

**Đáp án:** A

**Câu 21:** Cho đoạn code sau:

|  |
| --- |
| int a = 3, b = 8;  if (a > 5)  if (b > 8)  printf("C");  else  printf("B");  else  printf("A"); |

Kết quả của đoạn code này là gì?

A. In ra "A"  
B. In ra "B"  
C. In ra "C"  
D. Không in gì

**Đáp án:** A

**Câu 22:** Cho đoạn code sau:

|  |
| --- |
| int a = 1, b = 2;  if (a == 1)  if (b == 2)  printf("X");  else  printf("Y");  else  printf("Z"); |

Kết quả của đoạn code này là gì?

A. In ra "X"  
B. In ra "Y"  
C. In ra "Z"  
D. Không in gì

**Đáp án:** A

**Câu 23:** Cho đoạn code sau:

|  |
| --- |
| int x = 5;  if (x > 0)  if (x > 10)  printf("Large");  else  printf("Small"); |

Kết quả của đoạn code này là gì?

A. In ra "Large"  
B. In ra "Small"  
C. Không in gì  
D. Lỗi biên dịch

**Đáp án:** B

**Câu 24:** Cho đoạn code sau:

|  |
| --- |
| int x = 8;  if (x > 0)  if (x > 10)  printf("X is large");  else  printf("X is small");  else  printf("X is negative"); |

Kết quả của đoạn code này là gì?

A. In ra "X is large"  
B. In ra "X is small"  
C. In ra "X is negative"  
D. Không in gì

**Đáp án:** B

**Câu 25:** Cho đoạn code sau:

|  |
| --- |
| int a = 6, b = 8;  if (a > 5 && b > 7)  printf("Both conditions are true");  else  printf("One or both conditions are false"); |

Kết quả của đoạn code này là gì?

A. In ra "Both conditions are true"  
B. In ra "One or both conditions are false"  
C. Lỗi biên dịch  
D. Không in gì

**Đáp án:** A

**Câu 26:** Cho đoạn code sau:

|  |
| --- |
| int a = 5, b = 10, c = 15;  if (a > b && b < c)  printf("X");  else if (a < b || c < b)  printf("Y");  else  printf("Z"); |

Kết quả của đoạn code này là gì?

A. In ra "X"  
B. In ra "Y"  
C. In ra "Z"  
D. Không in gì

**Đáp án:** B

**Câu 27:** Cho đoạn code sau:

|  |
| --- |
| int a = 3, b = 5;  if (a == b)  if (a < b)  printf("A");  else  printf("B");  else  printf("C"); |

Kết quả của đoạn code này là gì?

A. In ra "A"  
B. In ra "B"  
C. In ra "C"  
D. Lỗi biên dịch

**Đáp án:** C

**Câu 28:** Cho đoạn code sau:

|  |
| --- |
| int x = 4;  if (x > 3)  if (x > 5)  printf("Greater than 5");  else  printf("Greater than 3 but less than or equal to 5");  else  printf("Less than or equal to 3"); |

Kết quả của đoạn code này là gì?

A. In ra "Greater than 5"  
B. In ra "Greater than 3 but less than or equal to 5"  
C. In ra "Less than or equal to 3"  
D. Không in gì

**Đáp án:** B

**Câu 29:** Cho đoạn code sau:

|  |
| --- |
| int a = 0, b = 1;  if (a && b)  printf("True");  else  printf("False"); |

Kết quả của đoạn code này là gì?

A. In ra "True"  
B. In ra "False"  
C. Lỗi biên dịch  
D. Không in gì

**Đáp án:** B

**Câu 30:** Cho đoạn code sau:

|  |
| --- |
| int a = 3;  if (a = 0)  printf("A is zero");  else  printf("A is not zero"); |

Kết quả của đoạn code này là gì?

A. In ra "A is zero"  
B. In ra "A is not zero"  
C. Lỗi biên dịch  
D. Không in gì

**Đáp án:** A

**Câu 31:** Cho đoạn code sau:

|  |
| --- |
| int x = 5, y = 10;  if (x > y)  printf("X");  else if (x == y)  printf("Y");  else  printf("Z"); |

Kết quả của đoạn code này là gì?

A. In ra "X"  
B. In ra "Y"  
C. In ra "Z"  
D. Không in gì

**Đáp án:** C

**Câu 32:** Cho đoạn code sau:

|  |
| --- |
| int a = 2, b = 4, c = 6;  if (a < b)  if (b < c)  printf("A");  else  printf("B");  else  printf("C"); |

Kết quả của đoạn code này là gì?

A. In ra "A"  
B. In ra "B"  
C. In ra "C"  
D. Lỗi biên dịch

**Đáp án:** A

**Câu 33:** Cho đoạn code sau:

|  |
| --- |
| int x = 5, y = 0;  if (x || y)  printf("X or Y is true");  else  printf("Both are false"); |

Kết quả của đoạn code này là gì?

A. In ra "X or Y is true"  
B. In ra "Both are false"  
C. Lỗi biên dịch  
D. Không in gì

**Đáp án:** A

**Câu 34:** Cho đoạn code sau:

|  |
| --- |
| int a = -1;  if (a)  printf("True");  else  printf("False"); |

Kết quả của đoạn code này là gì?

A. In ra "True"  
B. In ra "False"  
C. Lỗi biên dịch  
D. Không in gì

**Đáp án:** A

**Câu 35:** Cho đoạn code sau:

|  |
| --- |
| int a = 10, b = 20;  if (a > b)  printf("A");  else  if (b == 20)  printf("B");  else  printf("C"); |

Kết quả của đoạn code này là gì?

A. In ra "A"  
B. In ra "B"  
C. In ra "C"  
D. Không in gì

**Đáp án:** B

**Câu 36:** Cho đoạn code sau:

|  |
| --- |
| int a = 4;  if (a > 0)  if (a > 3)  if (a > 5)  printf("Greater than 5");  else  printf("Between 3 and 5");  else  printf("Less than or equal to 3"); |

Kết quả của đoạn code này là gì?

A. In ra "Greater than 5"  
B. In ra "Between 3 and 5"  
C. In ra "Less than or equal to 3"  
D. Không in gì

**Đáp án:** B

**Câu 37:** Cho đoạn code sau:

|  |
| --- |
| int x = 10, y = 20;  if (x > 5)  if (y < 25)  if (x + y > 30)  printf("True");  else  printf("False");  else  printf("Invalid"); |

Kết quả của đoạn code này là gì?

A. In ra "True"  
B. In ra "False"  
C. In ra "Invalid"  
D. Lỗi biên dịch

**Đáp án:** B

**Câu 38:** Cho đoạn code sau:

|  |
| --- |
| int x = 7;  if (x % 2 == 0)  printf("Even");  else  if (x % 3 == 0)  printf("Divisible by 3");  else  printf("Odd and not divisible by 3"); |

Kết quả của đoạn code này là gì?

A. In ra "Even"  
B. In ra "Divisible by 3"  
C. In ra "Odd and not divisible by 3"  
D. Không in gì

**Đáp án:** C

**Câu 39:** Cho đoạn code sau:

|  |
| --- |
| int a = 10;  if (a != 10)  printf("Not 10");  else if (a > 5)  printf("Greater than 5");  else  printf("Less than or equal to 5"); |

Kết quả của đoạn code này là gì?

A. In ra "Not 10"  
B. In ra "Greater than 5"  
C. In ra "Less than or equal to 5"  
D. Không in gì

**Đáp án:** B

**Câu 40:** Cho đoạn code sau:

|  |
| --- |
| int a = 5;  if (a >= 5)  if (a < 10)  printf("X");  else  printf("Y");  else  printf("Z"); |

Kết quả của đoạn code này là gì?

A. In ra "X"  
B. In ra "Y"  
C. In ra "Z"  
D. Không in gì

**Đáp án:** A

**Câu 41:** Cho đoạn code sau:

|  |
| --- |
| int a = 4;  if (a = 5)  printf("Assigned 5");  else  printf("Not assigned 5"); |

Kết quả của đoạn code này là gì?

A. In ra "Assigned 5"  
B. In ra "Not assigned 5"  
C. Lỗi biên dịch  
D. Không in gì

**Đáp án:** A

**Câu 42:** Cho đoạn code sau:

|  |
| --- |
| int a = 10, b = 15;  if (a < b)  if (b - a == 5)  printf("X");  else  printf("Y");  else  printf("Z"); |

Kết quả của đoạn code này là gì?

A. In ra "X"  
B. In ra "Y"  
C. In ra "Z"  
D. Không in gì

**Đáp án:** A

**Câu 43:** Cho đoạn code sau:

|  |
| --- |
| int a = 5, b = 10, c = 15;  if (a < b && b < c)  printf("True");  else  printf("False"); |

Kết quả của đoạn code này là gì?

A. In ra "True"  
B. In ra "False"  
C. Lỗi biên dịch  
D. Không in gì

**Đáp án:** A

**Câu 44:** Cho đoạn code sau:

|  |
| --- |
| int x = 8, y = 10;  if (x >= 5 && y <= 15)  if (x == 8)  printf("X");  else  printf("Y");  else  printf("Z"); |

Kết quả của đoạn code này là gì?

A. In ra "X"  
B. In ra "Y"  
C. In ra "Z"  
D. Không in gì

**Đáp án:** A

**Câu 45:** Cho đoạn code sau:

|  |
| --- |
| int x = 2, y = 3;  if (x + y > 5)  printf("Sum is greater than 5");  else if (x \* y == 6)  printf("Product is 6");  else  printf("Neither"); |

Kết quả của đoạn code này là gì?

A. In ra "Sum is greater than 5"  
B. In ra "Product is 6"  
C. In ra "Neither"  
D. Không in gì

**Đáp án:** B

**Câu 46:** Cho đoạn code sau:

|  |
| --- |
| int a = 3, b = 6;  if (a \* 2 == b)  if (b % 3 == 0)  printf("Both conditions true");  else  printf("First true, second false");  else  printf("First condition false"); |

Kết quả của đoạn code này là gì?

A. In ra "Both conditions true"  
B. In ra "First true, second false"  
C. In ra "First condition false"  
D. Không in gì

**Đáp án:** A

**Câu 47:** Cho đoạn code sau:

|  |
| --- |
| int a = 7, b = 14;  if (b / a == 2)  if (b % a == 0)  printf("Perfectly divisible");  else  printf("Not perfectly divisible");  else  printf("Division result is not 2"); |

Kết quả của đoạn code này là gì?

A. In ra "Perfectly divisible"  
B. In ra "Not perfectly divisible"  
C. In ra "Division result is not 2"  
D. Không in gì

**Đáp án:** A

**Câu 48:** Cho đoạn code sau:

|  |
| --- |
| int a = 0;  if (a)  printf("Non-zero");  else  printf("Zero"); |

Kết quả của đoạn code này là gì?

A. In ra "Non-zero"  
B. In ra "Zero"  
C. Lỗi biên dịch  
D. Không in gì

**Đáp án:** B

**Câu 49:** Cho đoạn code sau:

|  |
| --- |
| int x = 10;  if (x = 0)  printf("X is zero");  else  printf("X is non-zero"); |

Kết quả của đoạn code này là gì?

A. In ra "X is zero"  
B. In ra "X is non-zero"  
C. Lỗi biên dịch  
D. Không in gì

**Đáp án:** B

**Câu 50:** Cho đoạn code sau:

|  |
| --- |
| int a = 10, b = 20, c = 30;  if (a < b)  if (b > c)  printf("B > C");  else  if (a + b > c)  printf("A + B > C");  else  printf("A + B <= C"); |

Kết quả của đoạn code này là gì?

A. In ra "B > C"  
B. In ra "A + B > C"  
C. In ra "A + B <= C"  
D. Không in gì

**Đáp án:** B

**Câu 51:** Cho đoạn code sau:

|  |
| --- |
| int a = 5, b = 10;  if (a > b)  if (b > 5)  printf("X");  else  printf("Y"); |

Kết quả của đoạn code này là gì?

A. In ra "X"  
B. In ra "Y"  
C. Lỗi biên dịch  
D. Không in gì

**Đáp án:** B

**Giải thích:** Dòng else không thuộc về if (b > 5), mà thuộc về if (a > b), vì không có dấu ngoặc {} bao quanh các khối điều kiện. Do đó, chương trình sẽ in ra "Y".

**Câu 52:** Cho đoạn code sau:

|  |
| --- |
| int a = 2;  if (a-- > 1)  if (a == 1)  printf("A");  else  printf("B");  else  printf("C"); |

Kết quả của đoạn code này là gì?

A. In ra "A"  
B. In ra "B"  
C. In ra "C"  
D. Không in gì

**Đáp án:** A

**Giải thích:** a-- làm giảm giá trị của a sau khi so sánh. Ban đầu, a là 2, so sánh 2 > 1 là đúng, rồi a giảm xuống 1. Sau đó, điều kiện a == 1 là đúng, nên in ra "A".

**Câu 53:** Cho đoạn code sau:

|  |
| --- |
| int x = 3, y = 5, z = 7;  if (x < y == z > x)  printf("True");  else  printf("False"); |

Kết quả của đoạn code này là gì?

A. In ra "True"  
B. In ra "False"  
C. Lỗi biên dịch  
D. Không in gì

**Đáp án:** B

**Giải thích:** x < y == z > x được đánh giá từ trái sang phải. x < y (3 < 5) là 1 (true), sau đó so sánh 1 == z > x (1 == 7 > 3). Vì 7 > 3 là 1, 1 == 1 là true. Nhưng kết quả cuối cùng vẫn sẽ là "False" vì cách đánh giá logic.

**Câu 54:** Cho đoạn code sau:

|  |
| --- |
| int a = 4;  if (a++ == 4 && a++ == 5)  printf("True");  else  printf("False"); |

Kết quả của đoạn code này là gì?

A. In ra "True"  
B. In ra "False"  
C. Lỗi biên dịch  
D. Không in gì

**Đáp án:** A

**Giải thích:** Ban đầu, a = 4, so sánh a++ == 4 là đúng vì a được sử dụng trước khi tăng. Sau đó, a++ == 5 cũng đúng vì sau lần tăng đầu, a trở thành 5. Vì cả hai điều kiện đều đúng, in ra "True".

**Câu 55:** Cho đoạn code sau:

|  |
| --- |
| int x = 5;  if (x & 1)  printf("Odd");  else  printf("Even"); |

Kết quả của đoạn code này là gì?

A. In ra "Odd"  
B. In ra "Even"  
C. Lỗi biên dịch  
D. Không in gì

**Đáp án:** A

**Giải thích:** Toán tử bitwise & giữa x và 1 kiểm tra bit cuối cùng của x. Nếu bit cuối cùng là 1 (số lẻ), nó in "Odd". Vì x = 5, mà 5 & 1 là 1, nên in ra "Odd".

**Câu 56:** Cho đoạn code sau:

|  |
| --- |
| int x = -1;  if (~x == 0)  printf("A");  else  printf("B"); |

Kết quả của đoạn code này là gì?

A. In ra "A"  
B. In ra "B"  
C. Lỗi biên dịch  
D. Không in gì

**Đáp án:** A

**Giải thích:** ~x là toán tử NOT bitwise, nó đảo các bit của x. Với x = -1, tất cả các bit đều là 1 (trong biểu diễn hai's complement). Khi đảo bit, kết quả là 0, vì vậy điều kiện ~x == 0 là đúng, in ra "A".

**Câu 57:** Cho đoạn code sau:

|  |
| --- |
| int a = 0;  if (a++ || --a)  printf("True");  else  printf("False"); |

Kết quả của đoạn code này là gì?

A. In ra "True"  
B. In ra "False"  
C. Lỗi biên dịch  
D. Không in gì

**Đáp án:** B

**Giải thích:** a++ trả về giá trị 0 trước khi tăng a. Sau đó, --a giảm a xuống lại 0. Cả hai biểu thức đều là 0 (false), nên kết quả in ra "False".

**Câu 58:** Cho đoạn code sau:

|  |
| --- |
| int a = 5, b = 6;  if (a & b)  printf("True");  else  printf("False"); |

Kết quả của đoạn code này là gì?

A. In ra "True"  
B. In ra "False"  
C. Lỗi biên dịch  
D. Không in gì

**Đáp án:** A

**Giải thích:** Toán tử & thực hiện phép AND bitwise giữa a và b. 5 trong hệ nhị phân là 0101 và 6 là 0110. AND giữa hai giá trị này là 0100 (4), giá trị này khác 0, do đó in ra "True".

**Câu 59:** Cho đoạn code sau:

|  |
| --- |
| int a = 8;  if (a & (a - 1))  printf("Not power of two");  else  printf("Power of two"); |

Kết quả của đoạn code này là gì?

A. In ra "Not power of two"  
B. In ra "Power of two"  
C. Lỗi biên dịch  
D. Không in gì

**Đáp án:** B

**Giải thích:** Kiểm tra một số có phải là lũy thừa của 2 bằng cách kiểm tra a & (a - 1). Với a = 8, 8 là lũy thừa của 2, nên 8 & (8 - 1) là 0. Điều kiện là false, in ra "Power of two".

**Câu 60:** Cho đoạn code sau:

|  |
| --- |
| int a = 3, b = 6;  if ((a = b) == 3)  printf("Equal to 3");  else  printf("Not equal to 3"); |

Kết quả của đoạn code này là gì?

A. In ra "Equal to 3"  
B. In ra "Not equal to 3"  
C. Lỗi biên dịch  
D. Không in gì

**Đáp án:** B

**Giải thích:** a = b gán giá trị b cho a, nên a trở thành 6. Sau đó, 6 == 3 là false, vì vậy in ra "Not equal to 3".

**Câu 61:** Cho đoạn code sau:

|  |
| --- |
| int x = 1;  if (x && printf("A"))  printf("B");  else  printf("C"); |

Kết quả của đoạn code này là gì?

A. In ra "AB"  
B. In ra "AC"  
C. In ra "BC"  
D. Không in gì

**Đáp án:** A

**Giải thích:** x là 1 (true), và vì printf("A") trả về giá trị số nguyên là số ký tự được in (ở đây là 1), nên điều kiện x && printf("A") là đúng, in ra "AB".

**Câu 62:** Cho đoạn code sau:

|  |
| --- |
| int a = 10, b = 5;  if (a > b ? printf("X") : printf("Y"))  printf("A");  else  printf("B"); |

Kết quả của đoạn code này là gì?

A. In ra "XA"  
B. In ra "XB"  
C. In ra "YA"  
D. In ra "YB"

**Đáp án:** A

**Giải thích:** Toán tử ba ngôi ? : kiểm tra điều kiện a > b, đúng nên in ra "X". Sau đó, vì printf("X") trả về giá trị 1, nên điều kiện trong if là true, và in ra "A".

**Câu 63:** Cho đoạn code sau:

|  |
| --- |
| int a = 3, b = 0;  if (a && !b)  printf("First condition true");  else if (a || b)  printf("Second condition true");  else  printf("Neither true"); |

Kết quả của đoạn code này là gì?

A. In ra "First condition true"  
B. In ra "Second condition true"  
C. In ra "Neither true"  
D. Không in gì

**Đáp án:** A

**Câu 64:**Cho đoạn code sau:

|  |
| --- |
| int a = 5, b = 3;  if (a++ > 5 && ++b > 3)  printf("A: %d, B: %d", a, b);  else if (a == 6 || b++ < 5)  printf("C: %d, D: %d", a, b);  else  printf("E: %d, F: %d", a, b); |

Kết quả của đoạn code này là gì?

A. In ra "A: 6, B: 4"  
B. In ra "C: 6, D: 3"  
C. In ra "C: 6, D: 4"  
D. In ra "E: 6, F: 5"

**Đáp án:** C

**Giải thích:** **a++ > 5** là **false** (do a = 5), nên vế sau của && bị bỏ qua. Sau đó, a tăng lên 6. **else if (a == 6)** là **true**, nên khối lệnh này được thực hiện và in ra C: 6, D: 3 (do b không thay đổi).

**Câu 65:** Cho đoạn code sau:

|  |
| --- |
| int x = 8, y = 10;  if ((x & y) && (x | y))  if ((x ^ y) == (x & ~y))  printf("True");  else  printf("False");  else  printf("Neither"); |

Kết quả của đoạn code này là gì?

A. In ra "True"  
B. In ra "False"  
C. In ra "Neither"  
D. Lỗi biên dịch

**Đáp án:** B

**Giải thích:** x & y và x | y đều là true, nên chương trình kiểm tra điều kiện bên trong. x ^ y == x & ~y là false (vì 2 != 0), nên in ra "False".